

GIÁ CÁC MẶT HÀNG NÔNG SẢN - VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP – CÂY, CON GIỐNG
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Ngày 31 tháng 7 năm 2026

tt	Mặt hàng và quy cách	Loại	Giá tại chợ Tế Tiêu	(ĐVT: đ/kg) Ghi chú
I	CÁC MẶT HÀNG NÔNG SẢN TẠI CHỢ			
1	Lúa Khang Dân	Loại 1	8.100	Bán lẻ
2	Gạo Khang Dân	Loại 1	13.500	
3	Lúa bắc thơm số 7	Loại 1	9.500	
4	Gạo bắc thơm số 7	Loại 1	15.000	
5	Gạo TS25	Loại 1	24.000	
6	Lúa JO2	Loại 1	9.000	
7	Lúa BC15	Loại 1	10.500	
8	Gạo BC15	Loại 1	13.500	
9	Gạo Điện Biên	Loại 1	15.500	
10	Gạo Hải Hậu	Loại 1	15.500	
11	Gạo tám Thái	Loại 1	17.500	
12	Gạo nếp cái hoa vàng	Loại 1	38.000	
13	Gạo nếp cẩm	Loại 1	32.000	
14	Lúa nếp 97	Loại 1	8.200	
15	Gạo nếp 97	Loại 1	14.000	
16	Đậu tương	Loại 1	35.000	
17	Đậu xanh không có vỏ	Loại 1	50.000	
18	Lạc nhân	Loại 1	67.000	
19	Đậu đen	Loại 1	65.000	
20	Ngô hạt	Loại 1	8.000	
II	GIÁ CÁC MẶT HÀNG VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP			
1	Đạm urê Phú Mỹ	Loại 1	15.000	Bán lẻ
2	NPK 5.10.3 Văn Điển	Loại 1	8.200	
3	Kali	Loại 1	14.000	
4	Lân Văn Điển	Loại 1	8.500	
III	GIÁ CÁC MẶT HÀNG CÂY, CON GIỐNG			
	Lúa giống			
1	Giống lúa thiên ưu 8	Loại 1		
2	Giống lúa khang dân 18	Loại 1		
3	Giống lúa nếp 97	Loại 1		
4	Giống lúa Bắc Thơm số 7	Loại 1		
5	Giống lúa Bắc Thơm 7 KBL	Loại 1		
6	TBR225	Loại 1		
7	VNR20	Loại 1		
	Giống cây ăn quả			
1	Giống cây Na Thái	Loại 1	45.000	Bán lẻ

tt	Mặt hàng và quy cách	Loại	Giá tại chợ Tế Tiêu	Ghi chú
	(Đk: 0,5cm; cc: 40cm)			
2	Giống cây nhãn chín muộn (Đk: 1cm; cc: 1m)	Loại 1	50.000	Bán lẻ
3	Giống cây bưởi Diễn (Đk: 1,5cm; cc: 1,3m)	Loại 1	60.000	
4	Giống cây bưởi da xanh (Đk: 1,5cm; cc: 1m)	Loại 1	70.000	
5	Giống cây ổi Đài Loan (Đk: 1,5cm; cc: 60cm)	Loại 1	40.000	
6	Giống cây chanh tứ quý, không hạt (Đk: 0,5cm; cc: 80cm)	Loại 1	40.000	
7	Giống cây mít siêu sớm (Đk: 1,5cm; cc: 1,5m)	Loại 1	120.000	
8	Giống cây Xoài Đài Loan (Đk: 2cm; cc: 1m)	Loại 1	65.000	
	Lợn giống			
1	Lợn giống cỏ (8-10kg/con)	Loại 1	1.500.000 – 1.700.000	Bán lẻ
2	Lợn giống siêu (8-9kg/con)	Loại 1	1.900.000 – 2.100.000	
	Vịt giống (con)	Loại 1		
1	Siêu thịt Orvia	Loại 1	22.000	Bán lẻ
2	Vịt Cherry Valley	Loại 1	18.000	
3	Bầu cánh trắng	Loại 1	10.500	
	Ngan giống	Loại 1		
1	Ngan đực (1 ngày tuổi)	Loại 1	13.000	
2	Ngan cái (1 ngày tuổi)	Loại 1	9.000	
	Gà giống các loại			
1	Giống gà mía (1 ngày tuổi)	Loại 1	16.500	Bán lẻ
2	Giống gà ta lai (1 ngày tuổi)	Loại 1	16.000	
3	Lai chọi (1 ngày tuổi)	Loại 1	55.000	
4	Gà Đông Tảo lai (1 ngày tuổi)	Loại 1	17.500	
IV	GIÁ THỨC ĂN CHĂN NUÔI	% Đạm		
1	Cám cá (bao 25kg)	30	420.000	Giá đại lý
2	Cám gà trắng(bao 25kg)	18	280.000	
3	Cám lợn (bao 25kg)	18	300.000	
4	Cám vịt (bao 25kg)	19	265.000	
V	GIÁ THUỐC THÚ Y			
1	Siêu mọc lông chống cắn mổ	100g	14.000	Giá đại lý
2	Men tiêu hoá	1kg	45.000	
3	Newcastel	Chai 20 liều	10.000	
4	Kháng sinh tiêu chảy cho gà (AMPICOLI)	100g	20.000	
				

**GIÁ CÁC MẶT HÀNG THỰC PHẨM
TẠI CÁC CHỢ ĐẦU MỐI THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Ngày 31 tháng 7 năm 2026

tt	Mặt hàng và quy cách	Loại	Giá tại chợ Tể Tiêu	Ghi chú
1	Thịt lợn hơi	Loại 1	61.000	Bán lẻ
2	Thịt lợn móng sẵn	Loại 1	122.000	
3	Thịt lợn nạc thăn	Loại 1	128.000	
4	Thịt lợn ba chỉ	Loại 1	128.000	
5	Thịt bò thăn	Loại 1	265.000	
6	Thịt bò móng	Loại 1	260.000	
7	Gà ta hơi	Loại 1	105.000	
8	Gà ta nguyên con làm sẵn	Loại 1	115.000	
9	Gà công nghiệp hơi	Loại 1	40.000	
10	Gà CN nguyên con làm sẵn	Loại 1	45.000	
11	Vịt hơi bầu cánh trắng	Loại 1	45.000	
12	Vịt hơi Supe	Loại 1	38.000	
13	Vịt nguyên con làm sẵn	Loại 1	55.000	
14	Ngan hơi	Loại 1	55.000	
15	Ngan nguyên con làm sẵn	Loại 1	60.000	
16	Trứng gà ta (quả)	Loại 1	4.500	
17	Trứng gà Ai Cập (quả)	Loại 1	3.500	
18	Trứng vịt (quả)	Loại 1	3.500	
19	Trứng chim cút (10 quả)	Loại 1	8.000	
20	Cá chép > 1kg	Loại 1	55.000	
21	Cá trắm > 2kg	Loại 1	55.000	
22	Cá quả	Loại 1	115.000	
23	Ngao	Loại 1	25.000	
24	Tôm sú	Loại 1	400.000	
25	Cua đồng	Loại 1	300.000	
26	Ốc nhồi	Loại 1	130.000	

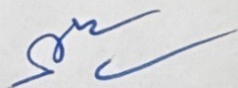
**GIÁ CÁC MẶT HÀNG HOA, RAU, CỦ QUẢ
TẠI CÁC CHỢ ĐẦU MỐI THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Ngày 31 tháng 7 năm 2026

tt	Mặt hàng và quy cách	Loại	Giá tại chợ Tể Tiêu	Ghi chú
1	Cam sành (kg)	Loại 1	45.000	Bán lẻ
2	Dưa hấu Miền Nam (kg)	Loại 1	25.000	
3	Chang leo (kg)	Loại 1	35.000	

tt	Mặt hàng và quy cách	Loại	Giá tại chợ Tế Tiêu	Ghi chú
4	Cam (kg)	Loại 1	35.000	
5	Bưởi da xanh (kg)	Loại 1	48.000	
6	Bưởi Diễn (quả)	Loại 1		
7	Hồng xiêm (kg)	Loại 1		
8	Xoài cát chu	Loại 1	40.000	
9	Quả gioi (kg)	Loại 1	50.000	
10	Thanh long ruột trắng (kg)	Loại 1	45.000	
11	Nho có hạt (kg)	Loại 1	95.000	
12	Táo (kg)	Loại 1	45.000	
13	Nhãn (kg)	Loại 1	40.000	
14	Cà chua (kg)	Loại 1	20.000	
15	Su hào (củ)	Loại 1		
16	Bí đao (kg)	Loại 1	15.000	
17	Khoai tây	Loại 1	17.000	
18	Bí đỏ (kg)	Loại 1	15.000	
19	Bắp cải (kg)	Loại 1		
21	Dưa chuột (kg)	Loại 1	15.000	
22	Đậu Cove (kg)	Loại 1		
23	Rau cải cúc (mớ)	Loại 1		
24	Rau muống (mớ)	Loại 1	4.000	
25	Rau rền (mớ)	Loại 1	5.000	
26	Ngọn Su su(kg)	Loại 1		
27	Cải mơn (mớ)	Loại 1	5.000	
28	Rau ngót (mớ)	Loại 1	5.000	
29	Rau bí (kg)	Loại 1		
30	Hoa hồng đỏ (bông)	Loại 1	9.000	
31	Hoa ly đỏ (cành)	Loại 1	45.000	
32	Hoa cúc vàng (bông)	Loại 1	9.000	

Người thu thập
(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Hợp

TRUNG TÂM DVTH MỸ ĐỨC
(Ký, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC

Dinh Thị Lan Hương